

Số: 41 /GP-UBND

Bình Phước, ngày 03 tháng 8 năm 2022

GIẤY PHÉP KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC DƯỚI ĐẤT

CHỦ TỊCH UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 24/2016/TT-BTNMT ngày 09/9/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc xác định và công bố vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt;

Căn cứ Thông tư số 75/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về bảo vệ nước dưới đất trong các hoạt động khoan, đào, thăm dò, khai thác nước dưới đất;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BTNMT ngày 14/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước;

Căn cứ Quyết định số 1327/QĐ-UBND ngày 24/5/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt Danh mục vùng hạn chế khai thác nước dưới đất và Danh mục khu vực phải đăng ký khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 389/TTr-STNMT ngày 29/7/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty Cổ phần Cao su Sông Bé (Địa chỉ: Quốc lộ 14, xã Minh Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước) được khai thác nước dưới đất với các nội dung sau:

1. Mục đích khai thác, sử dụng nước: Khai thác nước dưới đất phục vụ cho hoạt động của Trại chăn nuôi heo Nghĩa Trung 1, quy mô 20.000 con thuộc Công ty Cổ phần Cao su Sông Bé.

2. Vị trí công trình khai thác nước dưới đất: Tiểu khu 306, Ban Quản lý Rừng phòng hộ Bù Đăng (Nông Lâm trường Nghĩa Trung), xã Nghĩa Trung, huyện



Bù Đẳng, tỉnh Bình Phước (thuộc khu đất quy hoạch đất rừng sản xuất, trước đây do Công ty Lâm Nghiệp Bình Phước quản lý, UBND tỉnh đã chấp thuận chuyển giao về Công ty Cổ phần Cao su Sông Bé quản lý theo Quyết định 2029/QĐ-UBND ngày 01/10/2008, Công ty Cổ phần Cao su Sông Bé thực hiện thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất rừng và thuê đất để thực hiện dự án theo Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư số 439/QĐ-UBND cấp lần đầu ngày 09/3/2022 của UBND tỉnh Bình Phước). Vị trí này không nằm trong Danh mục vùng hạn chế khai thác nước dưới đất đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1327/QĐ-UBND ngày 24/5/2021.

3. Tầng chứa nước khai thác: Tầng chứa nước khe nứt Jura dưới - giữa (j₁₋₂).


4. Tổng số giếng khai thác: 05 giếng khoan.

5. Chế độ khai thác: 365/365 ngày.

6. Tổng lượng nước khai thác: 387 m³/ngày đêm (381 m³/ngày đêm dùng cho hoạt động chăn nuôi, 06 m³/ngày đêm dùng cho sinh hoạt).

7. Thời hạn khai thác: Năm (05) năm.

Vị trí tọa độ và các thông số của công trình cụ thể như sau:

Số hiệu giếng	Tọa độ (VN2000, kinh tuyến trực 106 ⁰ 15', múi chiều 3 ⁰)		Lưu lượng (m ³ /ngày đêm)	Chế độ khai thác (giờ/ngày đêm)	Chiều sâu đoạn thu nước (m)		Chiều sâu mực nước tĩnh (m)	Chiều sâu mực nước động lớn nhất cho phép (m)	Tầng chứa nước khai thác
	X	Y			Từ	Đến			
NT1	5.92.593	12.83.122	78	16 giờ 15 phút	32	158	26,5	47,07	
NT2	5.92.580	12.83.354	78	15 giờ 15 phút	34	151	26,3	47,05	
NT3	5.92.591	12.83.482	78	13 giờ 50 phút	34	157	25,8	46,37	
NT4	5.92.482	12.83.048	78	10 giờ 35 phút	35	157	26,3	47,05	
NT5	5.92.420	12.83.141	75	13 giờ 05 phút	36	158	26,4	47,06	

(Có sơ đồ khu vực và vị trí công trình khai thác nước kèm theo Báo cáo kết quả thi công giếng khai thác do Công ty Cổ phần Cao su Sông Bé lập).

Điều 2. Các yêu cầu cụ thể đối với Công ty Cổ phần Cao su Sông Bé:

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này; nếu thay đổi nội dung quy định tại Điều 1 phải được cơ quan cấp phép đồng ý bằng văn bản.

2. Thực hiện việc quan trắc mực nước, lưu lượng, chất lượng nước trong quá trình khai thác theo quy định.

3. Thiết lập vùng bảo hộ vệ sinh của công trình khai thác theo quy định.

4. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành liên quan đến lĩnh vực cấp nước theo quy định.

5. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 2 Điều 43 Luật Tài nguyên nước.

6. Định kỳ hằng năm (trước ngày 30 tháng 01 của năm tiếp theo), tổng hợp báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường về tình hình khai thác, sử dụng nước và các vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác; các kết quả quan trắc theo quy định.

7. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước.

8. Thực hiện trách nhiệm của Công ty theo quy định tại Điều 08 Thông tư số 24/2016/TT-BTNMT ngày 09/9/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc xác định và công bố vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt.

Điều 3. Công ty Cổ phần Cao su Sông Bé được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại Khoản 1 Điều 43 Luật Tài nguyên nước và các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi Giấy phép hết hạn, nếu Công ty Cổ phần Cao su Sông Bé còn tiếp tục khai thác, sử dụng nước dưới đất thì phải làm thủ tục gia hạn Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất theo quy định./.

Nơi nhận:

- Cục Quản lý Tài nguyên nước;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Thuế tỉnh Bình Phước;
- UBND huyện Bù Đăng;
- Công ty CP Cao su Sông Bé;
- Lãnh đạo VP, P. KT;
- Lưu: VT_(BH-24-GPKTN-01/8). 5

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Huỳnh Anh Minh